DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 2926***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *07* ***tháng*** *10* ***năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng quản lý chất lượng nước**
Laboratory:	***Department of Water Quality Management***
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	**Công ty cổ phần Cấp thoát nước số I Vĩnh Phúc**
Organization:	***Vinh Phuc No.I Water Supply and Drainage Joint Stock Company***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 1097**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hoá, Sinh**
Field:	***Chemical, Biological***
Người quản lý:	**Kiều Thị Thủy**
Laboratory manager:	***Kieu Thi Thuy***
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** *07 / 10* **/2026 đến ngày 02 /06/2029**
Địa chỉ: *Address*:	**Số 14 đường Lý Bôn, phường Vĩnh Phúc. tỉnh Phú Thọ** ***No.14 Ly Bon street, Vinh Phuc Ward, Phu Tho Province***
Địa điểm: *Location:*	**Số 14 đường Lý Bôn, phường Vĩnh Phúc. tỉnh Phú Thọ** ***No.14 Ly Bon street, Vinh Phuc Ward, Phu Tho Province***
Điện thoại/ *Tel*:	**02113861229**
Email:	**pqlcl.vinhphucwater@gmail.com**
Website:	

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Nước sạch, nước mặt, nước dưới đất, nước thải** ***Domestic water, surface water, ground water, wastewater***	Xác định pH *Determination of pH value*	2~12	TCVN 6492: 2011
2.		Xác định hàm lượng Nitrat Phương pháp quang phổ dùng axit Sunfosalixylic *Determination of nitrate content* *Spectrometric method using sulfosalicylic acid*	0,04 mg/L	TCVN 6180:1996
3.		Xác định hàm lượng Nitrit Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử *Determination of nitrite content* *Molecular absorption spectrometric method*	0,01 mg/L	TCVN 6178:1996
4.		Xác định hàm lượng sắt Phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1.10-Phenanthrolin *Determination of iron content* *Spectrometric method using 1.10 - phenanthroline*	0,01 mg/L	TCVN 6177:1996
5.		Xác định hàm lượng tổng canxi và magie Phương pháp chuẩn độ EDTA *Determination of the sum of calcium and magnesium content* *EDTA titrimetric method*	5 mg/L	TCVN 6224:1996
6.		Xác định hàm lượng Clo dư (Cl_2) Phương pháp so màu đo trên máy quang phổ DR900 *Determination of residual chlorine (Cl2) content* *Colorimetric measured on the DR900 spectrophometer*	0,05 mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023 HACH 8021
7.		Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ Bạc nitrat với chỉ thị Cromat (phương pháp Morh's) *Determination of Chloride content* *Silver nitrate titration with chromate indicator (Morh's method)*	5 mg/L	TCVN 6194:1996
8.		Xác định hàm lượng Mangan Phương pháp trắc quang dùng Fomaldoxim *Determination of Manganese content* *Formaldoxime spectrometric method*	0,01 mg/L	TCVN 6002:1995

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
9.	**Nước sạch, nước dưới đất,** ***Domestic water, ground water,***	Xác định chỉ số Pemanganat Phương pháp chuẩn độ *Determination of Permanganate index* *Titration method*	0,5 mg/L	TCVN 6186:1996
10.	**Nước sạch, nước mặt, nước dưới đất, nước thải** ***Domestic water, surface water, ground water, wastewater***	Xác định độ đục Phương pháp đo trên máy đo độ đục 2100Q – HACH *Determination of turbidity* *Measurement method on the 2100Q – HACH turbidity meter*	0,02 NTU	SMEWW 2130 B:2023
11.		Xác định hàm lượng chất rắn hòa tan Phương pháp sấy cân khối lượng *Determination of dissolved solids content* *Weighing drying method*	3,0 mg/L	SMEWW 2540 C:2023
12.		Xác định độ màu Phương pháp C *Determination of color* *Method C*	5 mg Pt-Co/L	TCVN 6185:2015
13.		Xác định mùi vị Phương pháp cảm quan *Determination of taste* *Sensory method*		QTTN- 15:2019
14.		Xác định hàm lượng Amoni Phương pháp trắc phổ thao tác bằng tay *Determination of ammonium content* *Manual spectrometric method*	0,01 mg/L	TCVN 6179-1:1996
15.		Xác định hàm lượng Crom VI Phương pháp đo phổ dùng 1,5-diphenylcacbazid *Determination of Chromium VI content* *Spectrometric method using 1,5-diphenylcarbazide*	0,05 mg/L	TCVN 6658:2000
16.		Xác định hàm lượng sunfua (H_2S) hòa tan Phương pháp đo quang dùng metylen xanh *Determination of dissolved sulfide (H_2S) content* *Photometric method using methylene blue*	0,06 mg/L	TCVN 6637:2000
17.		Xác định hàm lượng Nhôm hòa tan Phương pháp đo phổ dùng pyrocatechol tím *Determination of dissolved Aluminum content* *Spectrophotometric method using purple pyrocatechol*	0,10 mg/L	TCVN 6623:2000

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh
Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Nước sạch** ***Domestic water***	Định lượng *Escherichia coli*. Phương pháp lọc màng *Enumeration of Escherichia coli.* *Membrane filtration method*		TCVN 6187-1:2019
2.		Định lượng Coliforms. Phương pháp lọc màng *Enumeration of Coliforms* *Membrane filtration method*		TCVN 6187-1:2019
3.		Định lượng *Staphylococcus aureus* Phương pháp lọc màng *Enumeration of Staphylococcus aureus* *Membrane filtration method*		(b) SMEWW 9213B: 2023
4.		Định lượng *Pseudomonas aeruginosa* Phương pháp lọc màng *Enumeration of Pseudomonas aeruginosa* *Membrane filtration method*		(b) TCVN 8881:2011

Ghi chú:

- HACH: Phương pháp của nhà sản xuất thiết bị/ *Manufacturer's method*
- QTTN: Phương pháp thử nghiệm do phòng thử nghiệm xây dựng/*Laboratory developed methods*
- SMEWW: *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- (b): Phép thử mở rộng tháng 09 năm 2026/ *Expansion tests on September 2026*

Trường hợp Công ty cổ phần Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty cổ phần Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Vinh Phuc No.1 Water Supply and Drainage Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*